

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Hồng Nh, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đình Th, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 06-5-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phùng Thị Hồng Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Th trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 30-10-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Th ở phường M, quận Đ. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng đầu năm 2018, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, về chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình. Tuy là vợ chồng nhưng ai làm người đó chi tiêu, không

hỗ trợ cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Chị và anh Th đã tự cố gắng khắc phục, hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không cải thiện được. Hiện nay, chị và anh Th sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng của mình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung tên là Hoàng Khánh P, sinh ngày 16-10-2017. Chị đề nghị Tòa án giao cháu P cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị tự thỏa thuận với anh Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Đình Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nh trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận Đ vào ngày 30-10-2017. Trong thời gian chung sống cùng gia đình anh tại phường M, quận Đ, hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn tình cảm, thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự thống nhất về các vấn đề trong cuộc sống chung. Do đó, trong cuộc sống, vợ, chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ khó khăn với nhau. Mặc dù anh và chị Nh đã cố gắng khắc phục, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Anh và chị Nh đã sống ly thân hơn 01 năm nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có 01 con chung tên là Hoàng Khánh P, sinh ngày 16-10-2017. Do chị Nh có điều kiện kinh tế khó khăn, không nhận nuôi con nên anh nhận nuôi cháu P và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung. Công việc của anh là đi tàu, thu nhập hàng tháng từ khoảng 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng, có chỗ ở đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc phải đi làm xa và do dịch bệnh nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh theo quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đề nghị gửi cho bố, mẹ anh là ông Hoàng Đình Đ và bà Nguyễn Thị T theo địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Chị Nh và anh Th kết hôn năm 2017. Trong thời gian chung sống, do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ nên anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do tính chất công việc của anh Th là đi tàu, thường xuyên sống xa nhà nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Hơn 01 năm nay, chị Nh và anh Th sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau; chị Nh chuyển ra ngoài ở, cháu P được bố, mẹ của anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do chị Nh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh Th không thể về tham gia tố tụng nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa

án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh Th theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh Th; giao cháu P cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Hoàng Đình Th, cư trú tại: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nh và anh Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh Th.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nh và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017 ngày 30-10-2017. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh Th là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Trong thời gian chung sống, do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau nên giữa chị Nh và anh Th thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau. Mặt khác, anh Th đi tàu, thường xuyên sống xa nhà nên tình cảm giữa anh Th và chị Nh dần lạnh nhạt. Hơn 01 năm nay, chị Nh và anh Th sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh Th cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên

đồng ý ly hôn chị Nh. Xét thấy, chị Nh và anh Th đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Nh và anh Th có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh P, sinh ngày 16-10-2017. Chị Nh và anh Th đều có nguyện vọng để anh Th nuôi cháu P. Thực tế, anh Th có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con; cháu P ở với gia đình anh Th trong thời gian chị Nh và anh Th ly thân, được bố, mẹ anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Việc giao cháu P cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi của cháu P, phù hợp với nguyện vọng của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh và anh Th về việc nuôi con chung, giao cháu P cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Th và chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nh và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh Th vắng mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phùng Thị Hồng Nh được ly hôn anh Hoàng Đình Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Hoàng Khánh P, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Anh Th và chị Nh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Hoặc cho đến khi chị Nh và anh Th có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007201 ngày 29-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường M, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Sự Nguyễn Thị Loan

Vũ Trọng Đạt

